

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST

Ngày: 13/5/2020

*(V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và Chia thừa kế)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trương Quang K – sinh năm 1956

Bà Đoàn Hồng Y – sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bà Y: Ông Trương Quang K

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn N – Cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau; Luật sư Nguyễn Hải V - Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau

2. **Bị đơn:** Ông Đoàn Hồng H – sinh năm 1956

Bà Trương Thị C – sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Minh H – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoàng Vũ – Chủ tịch UBND thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh D – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 77, đường N, khóm M, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Chị Đoàn Hồng T – sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Nhơn KhV, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ.

- Đoàn Thái X – sinh năm 1984

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đoàn Hồng T – sinh năm 1986

- Đoàn Hồng C – sinh năm 1988

- Phạm Thị D – sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của Đoàn Hồng T, Đoàn Thái X, Đoàn Hồng T, Đoàn Hồng C, Phạm Thị D: Ông Đoàn Hồng H – sinh năm 1956 theo giấy ủy quyền ngày 26/8/2019

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trương Quang K trình bày:

Ông K, bà Y xác định phần đất có diện tích 2135m² tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc một phần diện tích ngang 7,6m x dài 102m là của cụ Huỳnh Thị P (bà ngoại bà Y) tặng cho ông, bà từ năm 1991 và đến năm 1993 cụ P chuyển nhượng cho ông H, bà K phần đất có diện tích ngang 15m x dài 102m và cụ Nguyễn Thị H (mẹ bà Y) có tặng cho ông, bà thêm một phần đất là kinh mương ngang 2,5m x dài 100m và phần bờ ngang 02m dài 102m. Đến năm 2001 Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Hồng H nhưng không có ông K, bà Y ký giáp ranh nên đã cấp trùm cả phần đất đường kinh mương và đường bờ. Năm 2012, ông K và bà Y đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H không chịu ký giáp ranh với lý do phần đất kinh mương và đất bờ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Hiện phần đất của ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1931,4m², mặt tiền giáp ông Đặng Hoàng I 20,6m, mặt hậu giáp bà Nguyễn Thị U 17m; chiều dài cạnh thứ nhất 102,75 m, cạnh thứ hai là 102,7m. Nay ông K yêu cầu ông H, bà C trả lại cho ông K, bà Y hai phần đất là phần bờ ngang 02m x dài 102m; phần mương và bờ ngang 2,5m x dài 100m.

Ngoài ra ông Trương Quang K đại diện cho bà Đoàn Hồng Y xác định trước đây tại đơn khởi kiện ông và bà Y đồng đứng đơn khởi kiện yêu cầu cả phần chia thừa kế phần di sản của cụ Nguyễn Thị G nhưng đây là nhầm lẫn, ông không có kiện, chỉ có bà Đoàn Hồng Y khởi kiện ông Đoàn Hồng H, ông là người đại diện cho bà Y yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị G để lại là 01 phần đất thổ cư diện tích 04 công tầm lớn và 01 thửa ruộng diện tích 2,5 công tầm lớn tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo đo đạc thực tế đất vườn có diện tích 3.952,5m² và đất ruộng có diện tích là 6.898,6m² nhưng đôi trừ số đất ruộng ông H được mẹ tặng cho 2,5 công tầm lớn còn lại yêu cầu phân chia theo qui định pháp luật. Ông K xác định cụ Đoàn Hồng Q và cụ Nguyễn Thị G có 03 người con gồm ông Đoàn Hồng H, Đoàn Hồng Y và Đoàn Văn Út O nhưng ông Út O chết năm 1983 không có vợ, con; Cụ Q chết năm 1985; cụ Hai chết năm 2017. Đôi

với phần đất ruộng cụ G có tổng cộng 7,5 công tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhưng cụ G nhầm lẫn nên tại giấy phân chia đất ngày 16/4/1993 cụ Hai xác định chỉ có 07 công đã phân chia cho bà Y 2,5 công, cho ông H 2,5 công, còn lại 2 công, thực tế còn 2,5 công cụ G có xác định để lại ai thờ cúng thì được hưởng. Đối với phần đất thổ cư 04 công của bà Y, ông H đã tự ý đăng ký kê khai không thông qua gia đình và không được ông K, bà Y ký giáp ranh là sai phạm nên đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 31/10/2001 cho hộ ông Đoàn Hồng H.

Bị đơn – ông Đoàn Hồng H và bà Trương Thị C trình bày: Phần đất thổ cư và đất vườn diện tích 5545m² (04 công) do cụ Huỳnh Thị P tặng cho vợ chồng ông, bà vào khoảng năm 1977 khi ông lập gia đình. Khi tặng cho, cụ P có giao cho vợ chồng ông có trách nhiệm phụng dưỡng cụ G và thờ cúng cha, mẹ về sau. Sau khi cho vợ, chồng ông đã tiến hành đắp bờ ranh xung quanh, ông cũng đã trồng dừa trên bờ ranh (ngang 2m x dài 102m). Đến khoảng năm 1990, vợ chồng ông K, bà Y chuyển nhượng lại của cụ P một phần đất nằm cặp ranh với phần đất cụ P cho vợ chồng ông trước đây. Do phần đất của ông K nhận chuyển nhượng nằm ở phía trong không có đường thoát nước nên ông K, bà Y có hỏi ông cho mượn nhờ lối đi và nhờ đường nước từ trên xuống mé sông (ngang 0,6m x dài 50m), cặp ranh đất bà U, vợ chồng ông đồng ý cho mượn nhưng vợ chồng ông K không có sử dụng nên vào năm 2001 vợ chồng ông làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả phần đất bờ và phần đường nước ngày 31/10/2001, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho hộ ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T005383. Cũng vào năm 2001, ông, bà đã cắm ranh đất, làm hàng rào giáp ranh và quản lý sử dụng đến nay. Hộ gia đình của ông H có 08 người gồm: Ông Đoàn Hồng H, bà Trương Thị C, Đoàn Thái X, Đoàn Hồng T, Đoàn Hồng C, Đoàn Hồng T, Đoàn Ngọc P và Phạm Thị D. Đối với Đoàn Ngọc P là con ruột của ông H, bà C hiện chị P có chồng và sinh sống tại Hàn Quốc khoảng 10 năm nay, ông H, bà C không cung cấp được địa chỉ cụ thể và không thể liên lạc với chị P và ông, bà xác định khi cấp đất chị P còn nhỏ và đất này không liên quan chị P nên yêu cầu Tòa án không đưa chị P tham gia tố tụng.

Đối với phần đất của cụ G chỉ có 07 công, vào ngày 16/4/1993 cụ G đã chia đất cho các con xong, còn để lại 02 công dùng vào việc thờ cúng và ông xác định thời gian cụ G còn sống ông, bà phụng dưỡng nên năm 2001 ông đã kê khai đăng ký cả phần đất này có sự thống nhất của cụ G, đến khi cụ G qua đời vào tháng 7/2017 ông đã tổ chức đám tang và chôn cất cụ G trên đất gia đình ông, chính ông là người thờ cúng cha, mẹ đúng di nguyện của cụ G. Vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 100, 134, 143, 203 Luật đất đai đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ những chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố C có đơn xin vắng mặt hòa giải và xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân thành phố C. Đối với Đoàn Ngọc P là con ông H và bà C đang sống tại Hàn Quốc nhưng ông H, bà C xác định không rõ địa chỉ và cho rằng khi cấp giấy chứng nhận chị P còn nhỏ không có đóng góp trong gia đình và cho rằng Tòa án giải quyết không ảnh hưởng đến chị P nên xin tách không đưa tham gia tố tụng. Xét thấy yêu cầu của ông H, bà C là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế được quy định tại khoản 5, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Qua xem xét yêu cầu của ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đoàn Hồng H trả lại cho nguyên đơn hai phần đất là phần đường bờ diện tích 204 m² (02m x dài 102m) theo đo đạc thực tế ngang 02m, dài một cạnh 100,85m, một cạnh 100,90m, tổng diện tích là 201,6m² và phần đất thuộc đường nước có diện tích 250m² (2,5m x dài 100m) theo đo đạc thực tế ngang 02 dài một cạnh 86,23, một cạnh dài 85,916 m, tổng diện tích 179,9m². Tổng diện tích cả 02 phần đất tranh chấp là 381,5m², đất tọa lạc ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau thấy rằng:

Mặc dù hiện nay nguyên đơn đã đưa ra được các chứng cứ để chứng minh về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H có sai sót như về Biên bản xác minh đề nghị ngày 27.9.2001 thể hiện ông K là người ký giáp ranh nhưng tại kết quả giám định ngày 11/01/2019 của Phong kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định chữ ký giáp ranh tại Biên bản xác minh không Phải chữ ký của ông K. Quá trình thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất năm 2001, ông H khai nguồn gốc đất do cha tên Đoàn Hồng Q cho con từ năm 1993, là không chính xác có sự mâu X với Bản trích lục khai tử được đăng ký và lập ngày 09.5.2018 do nguyên đơn cung cấp thì ông Đoàn Hồng Q mất năm 1985. Tuy lên về thủ tục kê khai và cấp quyền sử dụng của cả phần đất của ông K, bà Y cũng thể hiện đã được bà Y kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại giấy tấc đất, tấc vàng và tại sổ mục kê năm 1994 (thửa 799, 800 và 801) và trích lục bản đồ với tổng diện tích là 5500m² so với diện tích ông K, bà Y đang quản lý cũng không chính xác.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông K đã cung cấp các tài liệu chứng minh phần đất đường bờ và đường nước đã được tặng cho cụ thể như các tờ khai và giấy

xác nhận của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Hồng E là em của bà Nguyễn Thị G và một số người làm chứng khác để chứng minh phần đất đường bờ và đường nước đã được tặng cho ông K, bà Y. Tuy nhiên, qua thực tế thẩm định, chính ông K cũng thừa nhận phần đất này cụ P và cụ G không có đăng ký kê khai và ông H đã đăng ký kê khai và năm 2001 ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi ông K, bà Y đăng ký kê khai năm 2011 đã được biết nhưng không có tranh chấp và chỉ yêu cầu đăng ký kê khai quyền sử dụng đất phần đất còn lại diện tích là 1931,40 m².

Xét về thực tế đất các đương sự đang quản lý sử dụng thì thể hiện theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H thì thửa đất số 849 có diện tích 5545 m² nhưng theo đo đạc thực tế thì có diện tích 4.334 m² đã bao gồm diện tích đất tranh chấp 381,5 m². Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K thì thửa số 06 được cấp có diện tích 1931,40 m² theo đo đạc thực tế 1962,3 m² là dư so với diện tích được cấp. Xét thấy diện tích đất theo đo đạc thực tế mà hộ ông H đang quản lý là 4334 m² là thiếu so với diện tích được cấp. Quá trình chuyển nhượng và tặng cho đất theo ông K xác định không lập thủ tục theo qui định, hiện nay cụ P, cụ Hai đã chết nên ông K không đủ căn cứ chứng minh diện tích là bao nhiêu. Mặt khác, hộ ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/10/2001, ông H đã tiến hành đắp bờ ranh xung quanh, trồng dừa trên bờ ranh (ngang 2m x dài 102m) và đã xây dựng tường rào kiên cố.

Do đó, nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm đất đường bờ của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với phần đất thuộc đường nước có diện tích 250m² (2,5m x dài 100m) theo đo đạc thực tế ngang 02m, dài một cạnh 86,23m một cạnh dài 85,916 m tổng diện tích 179,9m². Hiện các đương sự thừa nhận đã tồn tại từ năm 1992 ông K, bà Y có sử dụng làm kênh thoát nước để đưa nước vào đất để sản xuất nên quá trình sử dụng của ông K, bà Y trên phần đất này là có thực. Hiện các đương sự vẫn thừa nhận phần đất này thuộc nguồn gốc chung của ông, bà để lại nên có cơ sở xác định đây là đường nước chung của gia đình cụ Hai bao gồm ông H và bà Y và theo phong tục tập quán tại địa phương đường nước thường được sử dụng chung nên chấp nhận một phần yêu cầu của ông K, bà Y tuyên buộc ông H, bà C giao trả lại cho ông K, Y ½ đường nước là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu của bà Đoàn Hồng Y khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Hồng H phân chia phần di sản của bà Nguyễn Thị G để lại gồm 02 phần đất là đất vườn và đất ruộng thấy rằng cả hai phần đất đều nằm trong phần đất ông H được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 có tổng diện tích 10.245m², Ngày 03.12.2019 Ủy ban nhân dân thành phố C có Công văn trả lời việc cấp giấy cho ông H là đúng theo quy định về trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp giấy năm 2001. Qua xem xét thấy rằng:

Đối với phần đất vườn 04 công bà Y yêu cầu chia thừa kế, ông K xác định chính là phần đất ông H hiện có quyền sử dụng đất thổ cư 300m² và đất vườn là 5247m² nhưng diện tích đất đo đạc thực tế là 3.952,5m² và trong phần đất này ông K, bà Y đang có tranh chấp một phần đất bờ ranh và đường nước có tổng diện tích là 381,5m². Hiện ông K xác định đây là phần đất cụ P đã tặng cho cụ G nhưng ông K không cung cấp được giấy tờ tặng cho và không có tài liệu nào chứng minh cụ G

là người quản lý hợp pháp phần đất trên để yêu cầu phân chia tài sản. Hiện ông K chỉ xác định phần đất này cụ G đã làm quyền sử dụng đất cho bà Y một phần và ông H một phần căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại giấy tấc đất tấc vàng năm 1993 hiện cả ông H và bà Y đều có diện tích đất giống nhau là 4.700m^2 nhưng ông K không chứng minh được phần đất của bà Y và ông H được cấp giấy là có thực như ông đã trình bày hay không, trong khi đó đất thực tế không có hai phần đất như giấy đã thể hiện. Xét thấy về thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất của ông H về trình tự còn sai sót như biên bản xác minh và bảng kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông H xác định do cha (ông Đào Hồng Q) tặng để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 chưa chính xác và có hay không việc cụ P đã tặng cho đất ông H năm 1977. Nhưng đối với phần đất này cũng không thể là di sản thừa kế của cụ G để lại bởi lẽ tại tờ phân chia tài sản của cụ G ngày 16/4/1993 được chính quyền địa phương chứng thực do ông K đã cung cấp cũng đã thể hiện cụ G chỉ có 07 công đất ruộng và đã phân chia cho ông H, bà Y mỗi người 2,5 công, còn lại 02 công phân định để lại cho người thờ cúng. Đối với các phần đất này năm 2001 hộ gia đình ông H đã được cấp quyền sử dụng đất. Theo ông K xác định đến năm 2011 khi ông làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất địa chính đến đo đạc thì phát sinh tranh chấp nên ông đã biết rõ phần đất này ông H đã được cấp quyền sử dụng đất. Quá trình ông H được cấp quyền sử dụng đất ông K xác định cụ G còn khỏe mạnh nhưng cụ không có ý kiến hay tranh chấp với ông H đến năm 2017 cụ G mới chết thì không thể có căn cứ cho rằng đây là di sản của cụ G để lại nên yêu cầu chia thừa kế phần này của bà Y là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu phân chia phần đất ruộng tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định yêu cầu phân chia 02 công đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K xác định do có nhầm lẫn thực tế là 2,5 công. Qua xem xét thấy rằng: Hiện ông K vẫn thừa nhận đây chính là phần đất ngày 16/4/1993 cụ G đã làm tờ phân chia cho bà Y, ông H mỗi người là 2,5 công, ông H, bà Y đã quản lý sử dụng đất ổn định hiện nay theo đo đạc thực tế phần đất bà Y có diện tích là $3.431,5\text{m}^2$; và các đương sự xác định sau khi cụ G chết chính ông H là người thờ cúng cụ G. Tuy lên hiện ông K cho rằng do có mâu thuẫn về việc tranh chấp đất nên ông H và bà Y lập bàn thờ riêng để thờ cúng nên kiện yêu cầu phân chia là không có căn cứ để chấp nhận. Hơn nữa, phần đất này thuộc thửa đất số 999 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H vào năm 2001 tại thời điểm cụ G còn khỏe mạnh nhưng bà không tranh chấp xem như cụ đã mặc nhiên thừa nhận giao cho ông H nên phần đất bà Y yêu cầu chia thừa kế cũng không thuộc di sản thừa kế do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Hồng Y về việc yêu cầu chia thừa kế.

[5] Đối với yêu cầu của ông K, bà Y về việc hủy giấy chứng nhận của hộ ông Đoàn Hồng H thấy rằng về qui trình cấp giấy có những sai sót và hiện ông K, bà Y được chấp nhận một phần buộc hộ ông H phải giao lại đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Đoàn Hồng H nhưng cũng không thuộc trường hợp hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đoàn Hồng H. Ông K, bà Y có quyền đi kê khai chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định.

[6] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trương Quang K, bà Đoàn Hồng Y về việc buộc hộ ông Đoàn Hồng H trả lại ông

Trương Quang K, bà Đoàn Hồng Y phần đất đường kênh thoát nước có diện tích 89,95 m². Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu nguyên đơn phần đất tổng diện tích là 291,55m² và chia thừa kế theo pháp luật phần đất vườn 04 công và 2,5 công đất ruộng cùng tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

[7] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y phải tự chịu toàn bộ, đã thanh toán xong nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngày 15/5/2018 Bà Đoàn Hồng Y và Ông Trương Quang K có đơn xin miễn án phí do đã trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn theo qui định pháp luật. Đối với ông Đoàn Hồng H và bà Trương Thị C không có đơn yêu cầu nên phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 26, 147, 157, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 100, 134, 143, 203 Luật đất đai

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y về việc buộc ông Đoàn Hồng H, bà Trương Thị C trả cho ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y ½ đường nước có diện tích ngang 01m, một cạnh giáp phần đất ông Đoàn Hồng H, một cạnh giáp Kênh xáng phụng Hiệp, dài một cạnh giáp phần đất ông Đoàn Hồng H là 86,23m và một cạnh dài giáp bà Nguyễn Thị X có cạnh dài 85,91m có tổng diện tích 89,95 m² tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo biên bản đo vẽ ngày 25/9/2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan P Tài nguyên - Môi trường tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y về việc buộc Hộ ông Đoàn Hồng H trả cho ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y phần đất đường bờ, đường nước còn lại có tổng diện tích 291,55m² tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T005383 ngày 31/01/2001, do ủy ban nhân dân thành phố C đã cấp cho hộ ông Đoàn Hồng H và yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 04 công đất vườn, đất thổ cư và 2,5 công đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Về chi phí đo đạc, giám định và thẩm định giá ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y phải chịu, ông K đã dự nộp nên không đặt ra giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Quang K và bà Đoàn Hồng Y được miễn theo quy định pháp luật. Ông Đoàn Hồng H, bà Trương Thị C phải chịu án phí 300.000đ, chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố

tụng vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trịnh Xuân Trúc